

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị định 106/2015/NĐ-CP ngày 23/10/2015 của Chính phủ về việc quản lý người đại diện vốn nhà nước giữ các chức danh quản lý tại DNNN nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;
- Căn Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Lệ Ninh được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu ngày 21/9/2017;
- Công văn số 1648/STC-TCDN ngày 26/5/2020 của Sở Tài chính về việc cho ý kiến đề Người đại diện phần vốn nhà nước biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Lệ Ninh;
- Căn cứ Công văn số 880/UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chấp thuận đề Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Lệ Ninh biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.
- Công văn số 919/UBND-KT ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ý kiến chủ sở hữu đề Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Lệ Ninh biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020;
- Căn cứ biên bản kiểm phiếu biểu quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 16/6/2020;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 16/6/2020,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng thường niên năm 2020. (đính kèm Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020).

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng thường niên năm 2020. (đính kèm Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020).

Điều 3: Thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2019.

3.1. Một số chỉ tiêu chính về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài sản, nguồn vốn (từ 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2019):

a. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2019
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	90.837.252.236
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	
03	Giá vốn hàng bán	78.318.162.233
04	Lợi nhuận gộp [= (1)-(2)-(3)]	12.519.090.003
05	Doanh thu hoạt động tài chính	142.510.731
06	Chi phí tài chính	1.762.268.976
07	Chi phí bán hàng	6.745.856.192
08	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.940.076.724
09	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [= (4+5) - (6+7+8)]	213.398.842
10	Thu nhập khác	1.177.808.553
11	Chi phí khác	103.620.555
12	Lợi nhuận khác (= 10-11)	1.074.187.998
13	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN (= 9+12)	1.287.586.840
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp	261.527.887
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN (= 13-14)	1.026.058.953

b. Tài sản, nguồn vốn:

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN		Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A-	TÀI SẢN NGẮN HẠN	14.531.006.494	20.563.530.386
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.052.362.041	4.805.187.183
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-
III.	Các khoản phải thu	5.835.465.163	9.082.422.936
III	Hàng tồn kho	6.643.179.290	6.675.920.267
IV	Tài sản ngắn hạn khác		
B-	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	213.690.423.356	181.238.409.837
I.	Các khoản phải thu dài hạn	541.837.300	191.289.351
II.	Tài sản cố định	52.942.997.062	44.118.689.824
III.	Bất động sản đầu tư		
IV	Tài sản dở dang dài hạn	159.278.593.361	136.178.968.180
V.	Các khoản đầu tư tài chính DH		
VI	Tài sản dài hạn khác	926.995.633	749.462.482
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		228.221.429.850	201.801.940.223
NGUỒN VỐN		Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A-	NỢ PHẢI TRẢ	143.695.792.766	116.169.418.927
I.	Vay và nợ ngắn hạn	48.530.429.866	36.136.926.927
II	Nợ dài hạn	95.165.362.900	80.032.492.000
B-	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	84.525.637.084	85.632.521.296
I.	Vốn chủ sở hữu	83.434.728.953	83.651.040.137
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1.090.908.131	1.981.481.159
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		228.221.429.850	201.801.940.223

3.2. Thuyết minh chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ ngày 01/01/2019 đến hết 31/12/2019
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	90.837.252.236
Trong đó : Doanh thu bán thành phẩm	88.004.597.513
Doanh thu hoạt động khác	2.832.654.723
2. Giá vốn hàng bán	
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	78.318.162.233
Trong đó : Giá vốn thành phẩm đã bán	76.327.285.086
Giá vốn hoạt động khác	1.990.877.147
3. Doanh thu tài chính	
Lãi tiền gửi	142.510.731

	142.510.731
4. Chi phí tài chính	
Lãi tiền vay	1.762.268.976
	1.762.268.976
5. Thu nhập khác	
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	225.496.474
- Thu thanh lý TSCĐ	1.195.352.692
- Chi phí thanh lý TSCĐ	969.856.218
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường	613.535.000
Các khoản thu nhập khác	338.777.079
Cộng	1.177.808.553
6. Chi phí khác	
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	
-Thu thanh lý TSCĐ	
-Chi phí thanh lý TSCĐ	
Các khoản chi phí khác	103.620.555
Cộng	103.620.555
7. Chi phí thuế TNNH	-
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.287.586.840
- Chi phí không được trừ	20.052.595
- Thu nhập tính thuế	1.307.639.435
- Thuế suất thuế TNDN	20%
Cộng	261.527.887
8. Chi phí SXKD theo yếu tố	
- Chi phí nguyên vật liệu CCDC	76.161.870.236
- Chi phí nhân công	16.407.033.797
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.173.816.149
- Chi phí bằng tiền khác	9.924.979.929
Cộng	107.667.700.111
9. Kết quả sản xuất kinh doanh từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019	
Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.287.586.840
Thuế thu nhập doanh nghiệp	261.527.887
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.026.058.953

(Chi tiết cụ thể có Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế (AC) đính kèm).

Điều 4: Tờ trình về phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2019 và một số chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2020

4.1. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế và chi trả cổ tức năm 2019:

TT	Các khoản mục phân phối	Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	5,65	58.006.608	
2	Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	58,48	600.000.000	Mức trích bằng 0,33 tháng tiền lương bình quân thực hiện người lao động
3	Trích Quỹ Thưởng ban quản lý, điều hành doanh nghiệp, Trưởng ban kiểm soát	7,8	80.000.000	Mức trích bằng 0,77 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách
4	Trích lợi nhuận còn lại phân chia cổ tức	28,07	288.052.345	35 đồng/cổ phần
5	Tổng số	100	1.026.058.953	

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 35 đồng/cổ phần (tỷ lệ cổ tức 0,35%).

- Hình thức chi trả cổ tức: Chi trả bằng tiền mặt; Phần cổ tức của cổ đông nhà nước được nộp vào ngân sách nhà nước.

4.2. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Ghi chú
I	Ngành Trồng trọt			
	Cây cao su:			
	1.1. Diện tích cao su (quy đồng đặc)	Ha	1366,9	
	- Cao su Kinh doanh	Ha	451,43	
	- Cao su KTCB	Ha	915,47	
1	- Trồng mới cao su	Tấn	0	
	1.2. Sản lượng mủ khai thác	Tấn	996	
	- Mủ 3L	Tấn	840	
	- Mủ V10		156	
2	Rừng trồng sản xuất			

	- Trồng rừng sản xuất	Ha	32	
II	Ngành chế biến			
	Chế biến mủ cao su	Tấn	996	
1	- Mủ 3L Công ty	Tấn	840	
	- Mủ V10 Công ty	Tấn	156	
2	Chế biến Dăm gỗ	Tấn	24.050	
	Chế biến tinh dầu sả			
3	- Sả Ja va	Kg	160	
	- Sả Chanh	Kg	3.000	
III	Kế hoạch đầu tư XDCB			
	Tổng vốn đầu tư XDCB dự kiến		16,0	
	- Trồng rừng sản xuất		1,5	
	- Chăm sóc cao su KTCB		10,5	
	- Đường giao thông nội vùng		1,0	
	- Đường giao thông nội vùng	Tỷ đồng	1,5	
	- Mua xe ô tô 16 chỗ		0,5	
	- Mua sắm máy móc thiết bị ; sửa chữa dây chuyền MMTB, nhà máy sản xuất, nhà làm việc,...		1,5	
IV	Một số chỉ tiêu kế hoạch tài chính			
1	Doanh thu	Triệu đồng	94.000,0	
2	Nộp ngân sách	Triệu đồng	6.153,0	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.350,0	
4	Thu nhập bình quân/lao động/tháng	Triệu đồng	3,9	
5	Chi trả cổ tức	Tỷ lệ cổ tức 0,45%	45 đồng/cổ phần	

Điều 5: Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

Thông nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty lựa chọn một trong ba Công ty kiểm toán là: Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán quốc tế (AC); Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn KRESTON (VN); Công ty

TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tư vấn Hà Nội – HANOIAC thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 cho Công ty cổ phần Lệ Ninh.

Điều 6: Thông qua Báo cáo chi trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2019; Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2020. Cụ thể như sau:

6.1. Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2019

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao & thưởng	Lương khoán	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị			1.068.069.200	1.068.069.200
1	Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	80.000.000	274.654.800	274.654.800
2	Lê Thanh Hùng	Giám đốc		203.437.200	203.437.200
3	Nguyễn Mậu Hào	P. Giám đốc		183.102.800	183.102.800
4	Trần Công Văn	P. Giám đốc		203.437.200	203.437.200
5	Hoàng Thị Phương	Kế toán trưởng		203.437.200	203.437.200
II	Ban kiểm soát			172.930.800	196.930.800
1	Lê Hồng Sơn	Trưởng ban KS		172.930.800	172.930.800
2	Nguyễn Thị Liên	Thành viên	12.000.000		12.000.000
3	Võ Thị Thắm	Thành viên	12.000.000		12.000.000
III	Thư ký HĐQT		12.000.000		12.000.000
1	Hoàng Văn Khiêm		12.000.000		12.000.000
	Tổng cộng		116.000.000	1.241.000.000	1.357.000.000

Ghi chú:

- Khoản tiền thưởng cho HĐQT và Trưởng ban kiểm soát là: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng chẵn) chưa phân bổ cho từng thành viên.

- HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách, hưởng qua lương.

- Thành viên Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT kiêm nhiệm, không chuyên trách: Mức thù lao chi trả: 1.000.000 đồng/tháng.

6.2. Kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2020:

- Mức thù lao hàng tháng của Hội đồng quản trị:

+ Số thành viên Hội đồng quản trị: **05** thành viên

+ HĐQT chuyên trách, hưởng qua lương hàng tháng.

- Mức thù lao hàng tháng của Ban kiểm soát:

Số thành viên Ban kiểm soát: 03 thành viên

+ Trưởng BKS chuyên trách, hưởng qua lương hàng tháng.

+ Thành viên BKS, kiêm nhiệm không chuyên trách: 02 người

Mức thù lao hàng tháng: 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Mức thù lao hàng tháng của Thư ký HĐQT:

+ Số thành viên: 01 thành viên. Kiêm nhiệm không chuyên trách.

+ Mức thù lao hàng tháng: 1.000.000 đồng/tháng.

Điều 7: Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Ngọc Sơn (nguyên Chủ tịch HĐQT đã nghỉ hưu theo chế độ BHXH).

Điều 8: Thông qua Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Kết quả bầu cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát

Đại hội thông qua Tờ trình và Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017 – 2022 như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị:

1. Ông Phạm Ngọc Thành

Thành viên Ban kiểm soát:

1. Ông Lê Tùng Định

Điều 9: Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền giao cho Hội đồng quản trị căn cứ các nội dung trên đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Lệ Ninh thông qua, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 10: Thực hiện và thi hành Nghị quyết.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua toàn văn và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Quảng Bình (để b/c);
- Chủ tịch HĐQT;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Các đoàn thể, các phòng, các đơn vị trực thuộc;
- UBCKNN-IDS (công bố thông tin);
- Website công ty;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Nguyễn Mậu Hào